TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 21/2026/HS-PT
Ngày 26 tháng 01 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân
Các Thẩm phán: ông Phùng Anh Dũng, ông Trần Đức Kiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trương Quang Hưng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 300/2025/TLPT-HS ngày 17/12/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 151/2025/HSST ngày 11/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 357/2025/QĐXXPT-HS ngày 29/12/2025 của Tòa phúc Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo: Nguyễn Thị Tuyết M; Giới tính: nữ; Tên gọi khác: không; sinh ngày 25 tháng 10 năm 1972, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: khu phố L, phường B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông: N (chết); Con bà: Nguyễn Thị X (chết); Bị cáo có chồng là: Đỗ K, sinh năm 1970; Bị cáo có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011). Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Đ, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lưu Thị Tuyết A - Văn phòng L5, đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: C N, phường T, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị xét xử vắng mặt, có gửi Luận cứ bào chữa.

Bị hại: bà Võ Thị D, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố X, phường B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Đỗ K, sinh năm 1970 (chồng bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M); địa chỉ: Khu phố L, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Năm 2000, Nguyễn Thị Tuyết M tổ chức cho một số người dân trên địa bàn xã A, thành phố T (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) tham gia chơi huê (hụi) để hưởng tiền hoa hồng. M tổ chức 02 loại hình chơi huê: loại hình huê tháng: dây huê (một tổ chức chơi huê) gồm 13 người chơi huê, mỗi tháng hốt huê (nhận tiền huê) một lần, đủ 13 tháng thì mãn huê (kết thúc huê); loại hình huê ngày: dây huê gồm 12 người chơi huê, 10 ngày hốt huê một lần, đủ 04 tháng thì mãn huê. Thời gian đầu, số lượng người chơi ít và số tiền chơi huê ít, M thực hiện đúng thỏa thuận đã tạo được lòng tin đối với người chơi nên dần dần thu hút được nhiều người tham gia chơi huê. Năm 2016, một số người chơi đã hốt huê nhưng không đóng tiền huê các tháng còn lại (gọi là huê chết) cho M (không xác định được là ai vì không có sổ theo dõi) nên để có tiền chi trả cho những người chơi huê còn lại trong dây huê này thì M phải lấy tiền đóng huê của người chơi ở dây huê khác chi trả và ngược lại, dẫn đến sự thâm hụt tiền huê. M biết rõ bị thâm hụt tiền huê, có khả năng không trả lại được tiền chơi huê cho những người chơi huê theo thỏa thuận nhưng không thông báo cho những người chơi biết mà lại nảy sinh ý định tiếp tục nhận người chơi huê mới để lấy tiền trả cho người chơi huê cần hốt ở các dây huê trước đó. Do đó, khi có người đề nghị tham gia chơi huê thì M đều đồng ý, mở dây huê mới mặc dù không đủ số lượng người chơi và ghi vào sổ huê "dây huê 13 người" đưa cho người chơi huê. Khi đến kỳ hốt huê, M nhận tiền huê của những người chơi huê, chiếm đoạt và sử dụng trả cho nhiều người chơi ở dây huê khác trước đó (không xác định được) dẫn đến khoảng tháng 10/2020 nhiều người cùng lúc đến kỳ mãn huê và hốt huê thì M không có khả năng chi trả và tuyên bố dừng việc làm chủ huê. Từ tháng 10/2019 đến tháng 10/2020, M đã chiếm đoạt của 21 người chơi huê với tổng số tiền 696.120.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Bà Huỳnh Thị Xuân L1, sinh năm 1971, trú khu phố C, phường B: tham gia chơi 01 dây huê tháng mức tiền 2.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 31.300.000 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 05 dây huê tháng mức tiền 2.000.000 đồng/tháng, đã hốt huê 02 dây huê, còn lại 03 dây huê chưa hốt huê, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 30.750.000 đồng.

3. Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1964, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 01 dây huê tháng mức tiền 1.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 5.100.000 đồng.

4. Bà Võ Thị D, sinh năm 1984, trú khu phố X, phường B: tham gia chơi 04 dây huê tháng (03 dây huê mức tiền 2.000.000 đồng/tháng và 01 dây huê mức tiền 1.000.000 đồng/tháng), đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 44.960.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 02/4/2020, M có vay của bà D 70.000.000 đồng và ngày 24/6/2020, vay của bà D 50.000.000 đồng.

5. Bà Trần Thị P, sinh năm 1960, trú khu phố X, phường B: tham gia chơi 02 dây huê tháng mức tiền 2.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 27.700.000 đồng.

6. Bà Cao Thị C, sinh năm 1955, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 02 dây huê tháng (mức tiền 2.000.000 đồng/tháng và 1.000.000 đồng/tháng), đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 22.130.000 đồng.

7. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1962, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 07 dây huê tháng mức tiền 2.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 93.850.000 đồng.

8. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1964, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 02 dây huê tháng mức tiền 1.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 10.260.000 đồng.

9. Bà Trần Thị Bích L2, sinh năm 1971, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 06 dây huê tháng (05 dây huê mức tiền 2.000.000 đồng/tháng và 01 dây huê mức tiền 5.000.000 đồng/tháng), đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 125.400.000 đồng.

10. Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1956, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 02 dây huê tháng mức tiền 2.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 31.300.000 đồng.

11. Bà Nguyễn Thị Khả H, sinh năm 1981, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 01 dây huê tháng mức tiền 2.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 12.000.000 đồng.

12. Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1970, trú khu phố X, phường B: tham gia chơi 02 dây huê tháng mức tiền 2.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 23.800.000 đồng.

13. Bà Đỗ Thị N2, sinh năm 1972, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 04 dây huê tháng mức tiền 2.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 59.800.000 đồng.

14. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1968, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 01 dây huê tháng mức tiền 2.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 15.650.000 đồng.

15. Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1977, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 02 dây huê tháng mức tiền 2.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 31.500.000 đồng.

16. Ông Bùi Văn H2, sinh năm 1966, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 02 dây huê tháng mức tiền 2.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 31.300.000 đồng.

17. Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1977, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 02 dây huê tháng (mức tiền 1.000.000 đồng/tháng và 3.000.000 đồng/tháng), đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 30.510.000 đồng.

18. Bà Cao Thị L3, sinh năm 1972, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 03 dây huê tháng (02 dây huê mức tiền 2.000.000 đồng/tháng và 01 dây huê mức tiền 1.000.000 đồng/tháng), đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 27.000.000 đồng.

19. Bà Bùi Thị Ngọc T2, sinh năm 1985, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 02 dây huê tháng mức tiền 1.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 14.010.000 đồng.

20. Bà Trần Thị L4, sinh năm 1982, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 01 dây huê tháng mức tiền 1.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 6.950.000 đồng.

21. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1971, trú khu phố L, phường B: tham gia chơi 01 dây huê tháng mức tiền 2.000.000 đồng/tháng, đã nộp tiền huê và bị M chiếm đoạt tổng số tiền 20.850.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 220 ngày 31/5/2024 của Phòng K3, kết luận: chữ viết ghi tiền huê trong các sổ theo dõi tiền huê của người chơi huê và của Nguyễn Thị Tuyết M là chữ viết của Nguyễn Thị Tuyết M.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 151/2025/HSST ngày 11/11/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

[1]. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M*, phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, Xử phạt bị cáo* Nguyễn Thị Tuyết M ***12*** *(Mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/4/2025.*

...

4. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M *phải trả cho bà* Võ Thị D *số tiền 44.960.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng)*

...

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M *phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có quyết định về biện pháp tư pháp (xử lý vật chứng), trách nhiệm bồi thường của bị cáo M với những bị hại khác, quyết định về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo M giữ nguyên kháng cáo.

- Chủ tọa yêu cầu và Thư ký công bố Luận cứ bào chữa cho bị cáo của Luật sư Lưu Thị Tuyết A.

- Ông Đỗ K (chồng bị cáo M) xuất trình Biên lai thu tiền do Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk cấp về việc ông K thay bị cáo M bồi thường cho bị hại bà Võ Thị D và Biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ông K tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho vợ để vợ sớm trở về cùng ông nuôi con bị bệnh hiểm nghèo và con còn nhỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Số tiền bồi thường nhỏ nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo M cũng như đề nghị của ông Đỗ K (chồng bị cáo), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quản xét hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1 Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định đó là từ tháng 10/2019 đến tháng 10/2020 tại phường B, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Thị Tuyết M có hành vi gian dối che dấu thông tin đã mất khả năng tài chính để tiếp tục nhận tiền huê của những người khác tham gia dây huê (hụi) do mình tổ chức và đã chiếm đoạt của 21 người gồm: bà Huỳnh Thị Xuân L1, bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị N1, bà Võ Thị D, bà Trần Thị P, bà Cao Thị C, bà Huỳnh Thị Đ, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Trần Thị Bích L2, bà Nguyễn Thị K1, bà Nguyễn Thị Khả H, bà Đỗ Thị H1, bà Đỗ Thị N2, bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị T1, ông Bùi Văn H2, bà Phạm Thị H3, bà Cao Thị L3, bà Bùi Thị Ngọc T2, bà Trần Thị L4 và bà Nguyễn Thị C1 tổng số tiền 696.120.000 đồng. Do M thực hiện hành vi phạm tội trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Nguyễn Thị Tuyết M phạm vào "*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M thấy số tiền lừa đảo khởi điểm bị xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là 500.000.000 đồng, bị cáo M lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 696.120.000 đồng là vượt 196.120.000 đồng. Bị cáo M phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần, nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho những người bị hại, được những người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo M đã thật sự ăn năn hối cải nên mặc dù biết hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, chồng Đỗ K bị tai nạn lao động, suy giảm nghiêm trọng khả năng lao động, con lớn Đỗ Nguyễn Nhật H4 bị bệnh thận thường xuyên phải vào Thành phố Hồ Chí Minh khám và chạy thận nhận tạo, hai con khác còn nhỏ đang đi học (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đăk Lăk), nhưng bị cáo M đã tác động chồng là ông Đỗ K bồi thường 3.000.000 đồng cho bị hại bà Võ Thị D (là số tiền rất lớn so với hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo M) và nộp được 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm trở về cùng chồng gánh vác công việc gia đình lo cho các con được ăn học, trưởng thành làm người có ích cho xã hội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo M kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 151/2025/HSST ngày 11/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M **11** (Mười một) năm tù về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/4/2025.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M phải trả cho bà Võ Thị D 44.960.000 đồng, đã bồi thường 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000185 ngày 22/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk nên bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M còn phải bồi thường 41.960.0000 đồng (Bốn mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000186 ngày 22/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đăk Lăk;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đăk Lăk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk;
- Bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Bị hại;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân